

Annex A – Access List for the 2015/16 UEFA Club Competitions

UEFA Champions League										UEFA Europa League											
Group	Champions				League				Group	PO				Q3				Q2		Q1	
	PO	Q3	Q2	Q1	PO	Q3	Q2	Q1		PO	Q3	Q2	Q1	PO	Q3	Q2	Q1	PO	Q3	Q2	Q1
UCL TH ^a	1	1	1	1	UCL TH ^b	1	1	1	UCL 10 teams (PO)	1	1	1	1	UCL 15 teams (Q3)	1	1	1	FP - 3 teams			
CH RU ^c	2	2	2	2	CH RU ^c	2	2	2	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	3	3	3	3	CH RU ^c	3	3	3	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	4	4	4	4	CH RU ^c	4	4	4	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	5	5	5	5	CH RU ^c	5	5	5	CW	N4	NS	NS	NS	CW	N4	NS	NS				
CH RU ^c	6	6	6	6	CH RU ^c	6	6	6	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	7	7	7	7	CH RU ^c	7	7	7	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	8	8	8	8	CH RU ^c	8	8	8	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	9	9	9	9	CH RU ^c	9	9	9	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	10	10	10	10	CH RU ^c	10	10	10	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	11	11	11	11	CH RU ^c	11	11	11	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	12	12	12	12	CH RU ^c	12	12	12	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	13	13	13	13	CH RU ^c	13	13	13	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	14	14	14	14	CH RU ^c	14	14	14	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	15	15	15	15	CH RU ^c	15	15	15	CW	NS	NS	NS	NS	CW	NS	NS	NS				
CH RU ^c	16	16	16	16	CH RU ^c	16	16	16	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	17	17	17	17	CH RU ^c	17	17	17	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	18	18	18	18	CH RU ^c	18	18	18	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	19	19	19	19	CH RU ^c	19	19	19	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	20	20	20	20	CH RU ^c	20	20	20	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	21	21	21	21	CH RU ^c	21	21	21	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	22	22	22	22	CH RU ^c	22	22	22	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	23	23	23	23	CH RU ^c	23	23	23	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	24	24	24	24	CH RU ^c	24	24	24	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	25	25	25	25	CH RU ^c	25	25	25	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	26	26	26	26	CH RU ^c	26	26	26	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	27	27	27	27	CH RU ^c	27	27	27	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	28	28	28	28	CH RU ^c	28	28	28	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	29	29	29	29	CH RU ^c	29	29	29	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	30	30	30	30	CH RU ^c	30	30	30	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	31	31	31	31	CH RU ^c	31	31	31	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	32	32	32	32	CH RU ^c	32	32	32	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	33	33	33	33	CH RU ^c	33	33	33	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	34	34	34	34	CH RU ^c	34	34	34	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	35	35	35	35	CH RU ^c	35	35	35	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	36	36	36	36	CH RU ^c	36	36	36	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	37	37	37	37	CH RU ^c	37	37	37	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	38	38	38	38	CH RU ^c	38	38	38	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	39	39	39	39	CH RU ^c	39	39	39	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	40	40	40	40	CH RU ^c	40	40	40	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	41	41	41	41	CH RU ^c	41	41	41	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	42	42	42	42	CH RU ^c	42	42	42	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	43	43	43	43	CH RU ^c	43	43	43	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	44	44	44	44	CH RU ^c	44	44	44	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	45	45	45	45	CH RU ^c	45	45	45	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	46	46	46	46	CH RU ^c	46	46	46	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	47	47	47	47	CH RU ^c	47	47	47	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	48	48	48	48	CH RU ^c	48	48	48	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	49	49	49	49	CH RU ^c	49	49	49	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	50	50	50	50	CH RU ^c	50	50	50	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	51	51	51	51	CH RU ^c	51	51	51	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	52	52	52	52	CH RU ^c	52	52	52	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	53	53	53	53	CH RU ^c	53	53	53	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
CH RU ^c	54	54	54	54	CH RU ^c	54	54	54	CW	RU	NS	NS	NS	CW	RU	NS	NS				
Number of teams										Total										Number of teams	
22	0	3	30	8	6*	16				238					26	1	15	25	14	104	

TH = Titelholder / tenant du titre / Titelhalter
 CH = domestic champion / champion national / Landesmeister

RU = domestic championship runner-up / vice-champion national / Vizelandesmeister

N3 = domestic championship 3rd-placed club / 3e du championnat national / 3. der nationalen Meisterschaft

N4 = domestic championship 4th-placed club / 4e du championnat national / 4. der nationalen Meisterschaft

N5 = domestic championship 5th-placed club / 5e du championnat national / 5. der nationalen Meisterschaft

N6 = domestic championship 6th-placed club / 6e du championnat national / 6. der nationalen Meisterschaft

CW = domestic cup winner / vainqueur de la coupe nationale / nationaler Pokalsieger

FP = club qualified via fair play rankings / club qualifié via classement du Fair-play / Vereine aus Fairplay-Wertung

Q = qualifying rounds / tours de qualification / Qualifikationsrunden

PO = play-offs / matches de barrage / Playoffs

UCL = UEFA Champions League

UEL = UEFA Europa League

UCL TH* = UCL titelholder in PO as a minimum, or group stage if UCL titelholder creates a vacancy / Le tenant du titre de l'UECL se qualifie au moins pour les matches de barrage,

ou pour la phase de groupe si une place est laissée vacante par le tenant du titre de l'UECL / Der UEL-Titelhalter tritt frühestens in den Playoffs in den Wettbewerb ein. Entsteht durch den UEL-Titelhalter eine Vakanz, ist er direkt für die Gruppenphase qualifiziert

N.B.: If the access list needs to be adjusted once all the participants are known and admitted, priority for the UEFA Europa League will be given to the domestic cup winners (in accordance with the entry stage as per the access list). The adjusted list will be announced by circular letter.